

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY  
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017**

---

*Hà Nội, tháng 3 năm 2018*

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 38

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Võ Văn Phúc**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018



Số: 163 /2018/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/3/2018, từ trang 05 đến trang 38 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Nguyễn Tự Trung**  
Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018

**Nguyễn Thị Thu Hà**  
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2018-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31/12/2017*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>286.112.514.788</b>	<b>395.726.230.954</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.652.791.580</b>	<b>39.338.858.175</b>
Tiền	111		1.652.791.580	39.338.858.175
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>164.300.537.527</b>	<b>192.108.367.362</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	147.338.090.134	170.202.795.481
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17.769.333.571	25.229.127.804
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.104.673.900	3.200.953.407
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(4.911.560.078)	(6.524.509.330)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>95.505.920.737</b>	<b>141.893.777.146</b>
Hàng tồn kho	141		95.505.920.737	141.893.777.146
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.653.264.944</b>	<b>22.385.228.271</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	304.047.131	867.165.343
Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.929.317.928	18.840.395.794
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	419.899.885	2.677.667.134
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>447.418.737.601</b>	<b>429.668.884.914</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>1.812.066.473</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	39.799.497	844.526.156
Phải thu dài hạn khác	216	7	3.482.929.978	3.482.929.978
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(3.522.729.475)	(2.515.389.661)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>180.514.696.826</b>	<b>105.521.772.489</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	176.034.994.472	100.927.788.135
- Nguyên giá	222		321.984.327.002	228.550.494.658
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(145.949.332.530)	(127.622.706.523)
Tài sản cố định vô hình	227	12	4.479.702.354	4.593.984.354
- Nguyên giá	228		4.862.375.400	4.862.375.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(382.673.046)	(268.391.046)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>3.670.402.450</b>	<b>3.897.845.050</b>
- Nguyên giá	231		5.686.065.091	5.686.065.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.015.662.641)	(1.788.220.041)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>-</b>	<b>41.110.525.986</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	41.110.525.986
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>257.960.184.542</b>	<b>275.145.860.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		251.161.360.000	251.161.360.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		17.500.000.000	17.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		100.000.000	6.484.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254		(10.801.175.458)	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.273.453.783</b>	<b>2.180.814.916</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	5.273.453.783	2.180.814.916
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>733.531.252.389</b>	<b>825.395.115.868</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>437.428.368.699</b>	<b>484.398.261.918</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>396.962.003.859</b>	<b>442.937.217.894</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	97.882.632.492	129.862.897.231
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.593.059.711	11.174.112.176
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	637.012.411	11.533.452
Phải trả người lao động	314		764.086.815	2.882.402.088
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	33.665.952.762	65.157.732.116
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	24.090.116.842	17.905.927.501
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	211.673.864.000	200.009.170.414
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	13.542.147.432
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.655.278.826	2.391.295.484
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>40.466.364.840</b>	<b>41.461.044.024</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18	1.703.304.840	2.409.739.024
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	38.763.060.000	39.051.305.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>296.102.883.690</b>	<b>340.996.853.950</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>296.102.883.690</b>	<b>340.996.853.950</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		154.573.830.000	154.573.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		154.573.830.000	154.573.830.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		25.766.666.079	25.766.666.079
Quỹ đầu tư phát triển	418		136.864.855.110	135.156.172.939
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(21.102.467.499)	25.500.184.932
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		578.560.144	17.798.828.500
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(21.681.027.643)	7.701.356.432
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>733.531.252.389</b>	<b>825.395.115.868</b>



Võ Văn Phúc  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Trương Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Lê Đình Sơn  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	211.697.743.676	379.399.835.498
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>211.697.743.676</b>	<b>379.399.835.498</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	177.166.419.431	326.776.552.909
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>34.531.324.245</b>	<b>52.623.282.589</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	9.085.021.326	14.400.602.975
Chi phí tài chính	22	25	29.186.226.098	19.725.050.085
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.298.596.125	19.230.196.484
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	36.052.673.575	42.726.620.677
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(21.622.554.102)</b>	<b>4.572.214.802</b>
Thu nhập khác	31	28	286.170.550	5.931.501.723
Chi phí khác	32	29	93.406.137	2.524.542.012
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>192.764.413</b>	<b>3.406.959.711</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(21.429.789.689)</b>	<b>7.979.174.513</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(21.429.789.689)</b>	<b>7.979.174.513</b>



**Võ Văn Phúc**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018

**Trương Thị Thanh Hương**  
Kế toán trưởng

**Lê Đình Sơn**  
Người lập




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017


Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01	(21.429.789.689)	7.979.174.513
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	16.734.017.928	17.933.399.019
Các khoản dự phòng	03	(1.128.022.722)	(25.252.554.604)
Lãi/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(192)	(35.543)
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	05	(6.468.961.879)	(13.550.986.194)
Chi phí lãi vay	06	18.298.596.125	19.230.196.484
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	6.005.839.571	6.339.193.675
<b>Tăng/giảm các khoản phải thu</b>	09	25.608.441.910	192.457.704.608
<b>Tăng/giảm hàng tồn kho</b>	10	46.387.856.409	8.675.258.818
<b>Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)</b>	11	(67.658.345.388)	(102.246.935.335)
<b>Tăng/giảm chi phí trả trước</b>	12	(2.529.520.655)	8.450.352.977
<b>Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh</b>	13	-	-
<b>Tiền lãi vay đã trả</b>	14	(18.298.596.125)	(19.230.196.484)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp</b>	15	-	(1.797.633.396)
<b>Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh</b>	16	629.787.608	4.082.250.596
<b>Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh</b>	17	(5.704.253.024)	(9.591.553.489)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	(15.558.789.694)	87.138.441.970
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(29.492.542.163)	(31.941.188.224)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	40.000.000	1.395.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(96.840.220.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.303.335.274	8.633.196.997
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(23.149.206.889)	(118.753.211.227)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	277.219.890.000	325.463.299.853
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(265.843.441.414)	(276.323.357.881)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.354.518.790)	(9.478.346.020)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.021.929.796</b>	<b>39.661.595.952</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(37.686.066.787)</b>	<b>8.046.826.695</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 4</b>	<b>39.338.858.175</b>	<b>31.291.995.937</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	192	35.543
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70 4</b>	<b>1.652.791.580</b>	<b>39.338.858.175</b>



  
Võ Văn Phúc  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018

  
Trương Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

  
Lê Đình Sơn  
Người lập



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước - Công ty Công trình Đường sắt trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo Quyết định số 3745/QĐ-BGTVT ngày 07/12/2004 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103008002, cấp lần đầu ngày 25/05/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 17 ngày 09/12/2016 với mã số Doanh nghiệp mới là 3300101075.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tòa nhà số 33, đường Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 154.573.830.000 đồng (Một trăm năm mươi tư tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngày 25/11/2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 778/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công trình Đường sắt tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt;
- Mã chứng khoán: RCC;
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 15.457.383 cổ phiếu (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi ba cổ phiếu);
- Giá trị cổ phiếu đăng ký: 154.573.830.000 đồng (Một trăm năm mươi tư tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng);
- Hình thức đăng ký: Ghi sổ.

Số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc tại Công ty tại ngày 31/12/2017 là 97 người, tại ngày 31/12/2016 là 113 người.

#### 1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Thi công các công trình thông tin, tín hiệu, điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết:
  - + Sản xuất các sản phẩm bê tông;
  - + Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Sản xuất, chế biến sản phẩm từ gỗ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết:
  - + Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị ngành giao thông vận tải;
  - + Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện chuyên dùng của ngành đường sắt.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
  - + Xuất nhập khẩu: dầu nhớt, mỡ máy, than, hạt nhựa và các sản phẩm của nhựa;
  - + Mua bán nhiên liệu khác dùng trong động cơ (ga hóa lỏng);
  - + Mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Xuất nhập khẩu sắt, thép các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)**

- + Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- + Mua bán vật liệu xây dựng.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
  - + Mua, bán hàng hóa phế phẩm và phế liệu (trừ phế liệu Nhà nước cấm);
  - + Xuất nhập khẩu sản phẩm bê tông;
  - + Xuất nhập khẩu sản phẩm gỗ (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
  - + Mua bán phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế ngành giao thông vận tải và công nghiệp.
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (từ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu (không bao gồm day ấn huyết và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Vận tải hành khách và đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện thép: dầm cầu thép, khung nhà, rèn, dập, ép, cắt tạo thành sản phẩm;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Dịch vụ khảo sát và vẽ bản đồ.

**1.3 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

**1.4 CHU KỲ KINH DOANH**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường dưới 12 tháng.

**1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty có 02 đơn vị hạch toán trực thuộc:

- Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư Xây dựng 158 (giải thể ngày 15/08/2017);
- Chi nhánh Công ty CP Tổng Công ty Công trình Đường sắt – Xí nghiệp Khách sạn Quang Phú thành lập ngày 12/06/2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Công ty Con sở hữu trực tiếp bao gồm:

STT	Đơn vị	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại 31/12/2017
1	Công ty Cổ phần Công trình 791	32.050.600.000	66,87%
2	Công ty Cổ phần Công trình 792	35.000.000.000	68,57%
3	Công ty Cổ phần Công trình 793	36.500.000.000	63,01%
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đường sắt 796	25.000.000.000	97,80%
5	Công ty Cổ phần Công trình 798	38.000.000.000	60,81%
6	Công ty Cổ phần Công trình 875	45.000.000.000	58,89%
7	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	45.000.000.000	61,34%
8	Công ty Cổ phần Công trình 879	36.500.000.000	67,95%
9	Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	38.124.440.000	87,87%
10	Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	16.771.500.000	100,00%
11	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Tổng hợp	6.000.000.000	100,00%

Công ty có 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị Đường sắt, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 44,19%.

**1.6 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo quy định tại Nghị định 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/06/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu có hiệu lực thi hành từ ngày 15/08/2014, Công ty không được tham dự quan tâm, tham dự sơ tuyển đối với các gói thầu do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam làm chủ đầu tư do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam là chủ sở hữu chiếm 48,04% vốn điều lệ. Do đó, trong năm Công ty tiếp tục có sự giảm sút đáng kể về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như lợi nhuận thuần do gặp khó khăn trong công tác tìm kiếm việc làm.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc, là Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư Xây dựng 158 (phần kết quả kinh doanh từ ngày 01/01/2017 đến ngày 15/08/2017) và Chi nhánh Công ty CP Tổng Công ty Công trình Đường sắt – Xí nghiệp Khách sạn Quang Phú. Trong Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện loại trừ doanh thu và giá vốn và công nợ nội bộ giữa Công ty và đơn vị hạch toán phụ thuộc.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Đối với hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chủ yếu là các công trình xây dựng dở dang chưa được xác định doanh thu. Các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này được tập hợp trên cơ sở các chi phí trực tiếp tại các công trình.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp đích danh.

#### 3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 - 05

**3.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ HAO MÒN**

Bất động sản đầu tư là bất động sản được Công ty sử dụng với mục đích cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Thời gian khấu hao được xác định tương đương với các tài sản cố định cùng loại.

**3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

**3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

**Công cụ, dụng cụ**

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại công cụ, dụng cụ bao gồm các loại công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn để được ghi nhận là tài sản cố định. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 - 3 năm.

Chi phí thuê đất trả tiền một lần được Công ty phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian sử dụng đất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Dự phòng phải trả của Công ty phản ánh các khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng. Việc trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được thực hiện cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành, bàn giao trong năm. Giá trị bảo hành công trình được ước tính dựa trên cam kết với khách hàng về bảo hành công trình. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm. Khi hết thời hạn bảo hành công trình xây dựng, nếu công trình không phải bảo hành hoặc số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây dựng lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch phải hoàn nhập và được Công ty hạch toán giảm giá vốn công trình tương ứng.

Năm 2017, Công ty đang thực hiện hoàn nhập toàn bộ số dự phòng bảo hành công trình đã trích lập năm 2016 và không thực hiện trích lập bổ sung cho phần doanh thu xây lắp đã thực hiện trong năm 2017. Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định, xét tình hình thực tế về bảo hành công trình những năm qua, rủi ro trong việc phải bảo hành công trình là thấp nên không cần thiết phải trích lập dự phòng bảo hành công trình.

**3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu xây dựng được xác định khi công trình đã hoàn thành, có quyết toán, bàn giao cho khách hàng và khách hàng chấp nhận thanh toán. Đối với những công trình có nhiều hạng mục và được nghiệm thu từng phần, doanh thu được ghi nhận cho từng hạng mục (hoặc phần công việc) đã hoàn thành trên cơ sở Biên bản nghiệm thu khối lượng có xác nhận của chủ đầu tư.

Đối với các công trình hoặc hạng mục công trình đã hoàn thành và có Biên bản nghiệm thu xác nhận A - B nhưng chưa được thanh toán và Công ty chưa tập hợp được đầy đủ các chi phí liên quan để đảm bảo nguyên tắc phù hợp thì doanh thu chưa được ghi nhận.

Công ty áp dụng phương pháp tính giá vốn công trình xây lắp theo Thông báo số 1378/TB/CTĐS ngày 04/12/2009 của Tổng Giám đốc, theo đó giá vốn lũy kế của các công trình xây lắp được xác định bằng tỷ lệ doanh thu thuần lũy kế trên tổng giá trị sản lượng công trình hoàn thành lũy kế kể từ thời điểm bắt đầu khởi công công trình cho tới thời điểm kết thúc năm tài chính (kỳ kế toán) nhân với tổng chi phí lũy kế phát sinh ở mỗi công trình. Giá vốn công trình xây lắp ghi nhận trong kỳ bằng giá vốn lũy kế xác định theo phương pháp trên trừ đi tổng giá vốn đã ghi nhận đến thời điểm trước năm (kỳ) hiện hành.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các công ty con, công ty liên doanh, liên kết mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (vốn hóa) cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.14 THUẾ**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế GTGT đầu ra là 10%.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trên cùng một khu vực địa lý (tại trụ sở chính số 33 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội). Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

**3.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.17 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	201.480.563	269.083.839
Tiền gửi ngân hàng	1.451.311.017	39.069.774.336
<b>Cộng</b>	<b>1.652.791.580</b>	<b>39.338.858.175</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>147.338.090.134</b>	<b>170.202.795.481</b>
- Văn phòng điều hành CTXD Cầu An Đông - Hyundai Amco	23.336.456.795	18.887.168.966
- Ban QLDA ĐTXD giao thông Quảng Trị	22.196.514.000	22.715.252.000
- Ban QLDA đường sắt Khu vực 3	-	23.182.337.000
- Ban quản lý Dự án Chuyên ngành Giao thông Quảng Bình	1.123.634.750	17.921.320.750
- Ban quản lý Dự án Đường Sắt Khu vực 1	-	1.069.570.866
- Ban quản lý Dự án Đường Sắt	13.887.199.555	-
- Các đối tượng khác	86.794.285.034	86.427.145.899
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>39.799.497</b>	<b>844.526.156</b>
- Ban quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh	-	804.726.659
- Công ty Cổ phần 471	39.799.497	39.799.497
<b>Cộng</b>	<b>147.377.889.631</b>	<b>171.047.321.637</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>14.428.313.325</b>	<b>12.223.410.005</b>
- Công ty TNHH MTV XNK&DV Tổng Hợp	182.079.364	270.768.110
- Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	-	7.335.495.187
- Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	949.988.800	2.564.835.310
- Công ty Cổ phần Công trình 793	753.222.557	2.052.311.398
- Công ty Cổ phần CK&XD Công trình 878	5.643.905.399	-
- Công ty Cổ phần Công trình 875	6.899.117.205	-

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>304.047.131</b>	<b>867.165.343</b>
- Giá trị còn lại của Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	9.863.417	129.761.409
- Chi phí bảo hiểm thiết bị	152.358.964	252.373.158
- Chi phí sửa chữa thiết bị	141.824.750	-
Chi phí cải tạo nhà 131 - Thạch Hãn	-	460.030.776
- Chi phí lãi vay huy động vốn CBCNV	-	25.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>5.273.453.783</b>	<b>2.180.814.916</b>
- Vật tư luân chuyển chờ phân bổ	1.182.508.566	424.730.303
- Chi phí tiền thuê đất Nhà trạm 76	901.738.349	937.807.883
- Chi phí bảo dưỡng vật tư kho Hương Thủy	293.173.296	684.071.023
- Thiết bị dụng cụ VP chờ phân bổ	315.308.359	134.205.707
- Cộng cụ dụng cụ khách sạn Quang Phú	2.580.725.213	-
<b>Cộng</b>	<b>5.577.500.914</b>	<b>3.047.980.259</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.104.673.900</b>	<b>(1.281.090.000)</b>	<b>3.200.953.407</b>	<b>(62.151.420)</b>
- Tạm ứng	169.965.660	-	138.096.922	-
- Kinh phí công đoàn	-	-	32.429.340	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	879.214	-
- Phải thu khác	3.934.708.240	(1.281.090.000)	3.029.547.931	(62.151.420)
+ Phải thu cổ tức các Công ty Con	1.750.663.587	-	1.190.039.141	-
+ Phải thu cổ tức Công ty Cổ phần ĐTVT HT& Đô thị ĐS	387.500.000	-	-	-
+ Công ty TNHH TNXP Trường Sơn	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	-
+ Phải thu tiền Ray Áo của ĐSVN bán cho Công ty Hà Hải	395.634.163	-	395.634.163	-
+ Các khoản phải thu ngắn hạn khác	400.910.490	(281.090.000)	443.874.627	(62.151.420)
<b>Dài hạn</b>	<b>3.482.929.978</b>	<b>(3.482.929.978)</b>	<b>3.482.929.978</b>	<b>(1.700.000.000)</b>
- Chi phí Ban quản lý Dự án 31 Láng Hạ	1.782.929.978	(1.782.929.978)	1.782.929.978	-
- Công ty CP Đầu tư thương mại và Xây dựng Bắc Hà	1.700.000.000	(1.700.000.000)	1.700.000.000	(1.700.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>7.587.603.878</b>	<b>(4.764.019.978)</b>	<b>6.683.883.385</b>	<b>(1.762.151.420)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. NỢ XẤU**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	20.242.579.730	11.808.290.177	20.693.398.774	11.653.499.783
+ Công ty CP cầu đường Nghệ An	780.576.314	-	780.576.314	-
+ Công ty TNHH TVXD Hưng Thịnh	180.000.000	-	180.000.000	-
+ Ban quản lý dự án 6	-	-	2.503.025.713	462.949.312
+ Ban QL dự án 31 Láng Hạ	1.782.929.978	-	1.782.929.978	1.782.929.978
+ Công ty CP Đầu tư TM và XD Bắc Hà	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
+ Công ty Cổ phần XD&TV Kỹ Thuật	1.712.271.000	-	1.712.271.000	1.712.271.000
+ Ông Nguyễn Thanh Huyền	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
+ Các đối tượng khác	13.086.802.438	11.808.290.177	11.034.595.769	7.695.349.493

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	41.795.036.292	-	69.845.631.177	-
Công cụ, dụng cụ	12.001.182.584	-	13.698.489.748	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.174.429.691	-	56.814.384.051	-
Hàng hóa	1.535.272.170	-	1.535.272.170	-
<b>Cộng</b>	<b>95.505.920.737</b>	-	<b>141.893.777.146</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
- Nhà nghỉ Đồng Hới, Quảng Bình (*)	-	-	41.110.525.986	41.110.525.986
<b>Cộng</b>	-	-	41.110.525.986	41.110.525.986

(\*) Giá trị Công trình Nhà nghỉ Đồng Hới, Quảng Bình được tạm tăng nguyên giá, đưa vào sử dụng từ ngày 31/12/2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2017	45.087.075.172	150.397.631.998	32.185.038.362	880.749.126	228.550.494.658
- Mua trong năm	-	-	816.670.909	-	816.670.909
- Đầu tư XDCB hoàn thành	78.002.271.794	12.530.950.865	-	-	90.533.222.659
- Tặng khác	-	2.560.910.156	-	-	2.560.910.156
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(476.971.380)	-	(476.971.380)
31/12/2017	123.089.346.966	165.489.493.019	32.524.737.891	880.749.126	321.984.327.002
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2017	19.643.069.330	84.427.526.354	22.727.782.344	824.328.495	127.622.706.523
- Khấu hao trong năm	2.312.377.814	11.994.913.033	2.028.581.850	56.420.631	16.392.293.328
- Tặng khác	-	2.411.304.059	-	-	2.411.304.059
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(476.971.380)	-	(476.971.380)
31/12/2017	21.955.447.144	98.833.743.446	24.279.392.814	880.749.126	145.949.332.530
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2017	25.444.005.842	65.970.105.644	9.457.256.018	56.420.631	100.927.788.135
31/12/2017	101.133.899.822	66.655.749.573	8.245.345.077	-	176.034.994.472

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 54.731.004.248 đồng;

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2017 là 159.572.618.388 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền	Cộng
	sử dụng đất	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2017	4.862.375.400	4.862.375.400
31/12/2017	<u>4.862.375.400</u>	<u>4.862.375.400</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2017	268.391.046	268.391.046
- Khấu hao trong năm	114.282.000	114.282.000
31/12/2017	<u>382.673.046</u>	<u>382.673.046</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2017	<u>4.593.984.354</u>	<u>4.593.984.354</u>
31/12/2017	<u>4.479.702.354</u>	<u>4.479.702.354</u>

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Khoản mục	01/01/2017 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2017 VND
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	5.686.065.091	-	-	5.686.065.091
+ Nhà - Tòa nhà số 33 Láng Hạ	5.686.065.091	-	-	5.686.065.091
Giá trị hao mòn lũy kế	1.788.220.041	227.442.600	-	2.015.662.641
+ Nhà - Tòa nhà số 33 Láng Hạ	1.788.220.041	227.442.600	-	2.015.662.641
Giá trị còn lại	3.897.845.050	-	(227.442.600)	3.670.402.450
+ Nhà - Tòa nhà số 33 Láng Hạ	3.897.845.050	-	(227.442.600)	3.670.402.450

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2017 là 3.670.402.450 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	268.761.360.000	(10.801.175.458)	257.960.184.542	275.145.860.000	-	275.145.860.000
Đầu tư vào Công ty con	251.161.360.000	(10.801.175.458)	240.360.184.542	251.161.360.000	-	251.161.360.000
+ Công ty TNHH MTV XNK&DV Tổng Hợp	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
+ Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	16.771.500.000	-	16.771.500.000	16.771.500.000	-	16.771.500.000
+ Công ty Cổ phần Công trình 791	21.431.680.000	-	21.431.680.000	21.431.680.000	-	21.431.680.000
+ Công ty Cổ phần Công trình 792	24.000.000.000	-	24.000.000.000	24.000.000.000	-	24.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Công trình 793	22.999.930.000	-	22.999.930.000	22.999.930.000	-	22.999.930.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đường sắt 796	24.450.000.000	-	24.450.000.000	24.450.000.000	-	24.450.000.000
+ Công ty Cổ phần Công trình 798	23.107.600.000	(6.428.299.313)	16.679.300.687	23.107.600.000	-	23.107.600.000
+ Công ty Cổ phần Công trình 875	26.499.700.000	(4.372.876.145)	22.126.823.855	26.499.700.000	-	26.499.700.000
+ Công ty Cổ phần CK&XD Công trình 878	27.600.950.000	-	27.600.950.000	27.600.950.000	-	27.600.950.000
+ Công ty Cổ phần Công trình 879	24.800.000.000	-	24.800.000.000	24.800.000.000	-	24.800.000.000
+ Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	33.500.000.000	-	33.500.000.000	33.500.000.000	-	33.500.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	17.500.000.000	-	17.500.000.000	17.500.000.000	-	17.500.000.000
+ Công ty Cổ phần ĐTVT Hạ tầng và Đô thị Đường sắt	17.500.000.000	-	17.500.000.000	17.500.000.000	-	17.500.000.000
Đầu tư vào Đơn vị khác	100.000.000	-	100.000.000	6.484.500.000	-	6.484.500.000
+ Cổ phiếu tại Công ty CP Vật tư Đường sắt Sài Gòn	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000
+ Đầu tư Nhà Trạm 76 - Kim Mã	-	-	-	6.384.500.000	-	6.384.500.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>97.882.632.492</b>	<b>97.882.632.492</b>	<b>129.862.897.231</b>	<b>129.862.897.231</b>
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	31.704.308.447	31.704.308.447	58.769.112.797	58.769.112.797
- Công ty Cổ phần Công trình 6	6.573.166.113	6.573.166.113	-	-
- Công ty Cổ phần Công trình 792	8.924.861.005	8.924.861.005	13.411.387.026	13.411.387.026
- Công ty Cổ phần Thép Nhân luật Miền Nam	8.674.156.161	8.674.156.161	-	-
- Công ty Cổ phần Công trình 879	9.280.543.614	9.280.543.614	13.527.811.368	13.527.811.368
- Các đối tượng khác	32.725.597.152	32.725.597.152	44.154.586.040	44.154.586.040
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>97.882.632.492</b>	<b>97.882.632.492</b>	<b>129.862.897.231</b>	<b>129.862.897.231</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>62.058.886.627</b>	<b>62.058.886.627</b>	<b>95.855.427.686</b>	<b>95.855.427.686</b>
- Công ty Cổ phần Công trình 791	3.264.093.840	3.264.093.840	3.912.587.014	3.912.587.014
- Công ty Cổ phần Công trình 792	8.924.861.005	8.924.861.005	13.411.387.026	13.411.387.026
- Công ty Cổ phần Công trình 796	2.026.937.571	2.026.937.571	1.225.534.827	1.225.534.827
- Công ty Cổ phần Công trình 875	3.105.030.840	3.105.030.840	2.472.039.093	2.472.039.093
- Công ty Cổ phần công trình 879	9.280.543.614	9.280.543.614	13.527.811.368	13.527.811.368
- Công ty Cổ phần Công trình 798	3.753.111.310	3.753.111.310	1.221.890.582	1.221.890.582
- Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	-	-	1.315.064.979	1.315.064.979
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	31.704.308.447	31.704.308.447	58.769.112.797	58.769.112.797



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải nộp</b>	<b>11.533.452</b>	<b>5.784.021.938</b>	<b>5.158.542.979</b>	<b>637.012.411</b>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	5.239.940.619	4.858.972.556	380.968.063
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.050.000	-	-	4.050.000
- Thuế thu nhập cá nhân	5.397.088	232.766.021	235.213.159	2.949.950
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.086.364	311.315.298	64.357.264	249.044.398
	<b>01/01/2017</b>	<b>Số phải thu trong năm</b>	<b>Số đã thực thu trong năm</b>	<b>31/12/2017</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>b. Phải thu</b>	<b>2.677.667.134</b>	-	<b>2.257.767.249</b>	<b>419.899.885</b>
- Thuế giá trị gia tăng	2.128.334.265	-	2.128.334.265	-
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	129.943.858	-	129.432.984	510.874
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	419.389.011	-	-	419.389.011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Trích trước chi phí công trình		
+ Dự án Sài Gòn Trung Lương	-	8.514.296.200
+ Gói thầu CP3C DA Nâng cao ATGT ĐS	-	4.462.550.111
+ Gói 5: Cầu Km 13, Km 14	1.801.643.167	5.805.739.412
+ Gói thầu số 6: Cầu Km 33, Cầu Km 44 DA LPL	4.031.093.596	4.031.093.596
+ Cầu Long Biên (Giai đoạn 1)	11.019.168.306	11.665.248.918
+ Gói CP1C: Cầu Minh Lệ, Khe Nét, Ngân Sơn	-	1.594.497.712
+ Gói WB4-12: Xây dựng cống Bảo Quốc	220.661.884	220.661.884
+ Gói 4: Đường cứu hộ cứu nạn Phong Điền	1.611.998.957	493.681.411
+ Cầu Ghềnh	-	4.146.265.637
+ Cầu Đông Ba	625.973.353	2.779.595.616
+ Cầu An Đông - Ninh Thuận	8.493.333.353	8.274.801.749
+ Cung cấp TVBT W08 Cát Linh - Hà Đông	584.987.437	855.190.309
+ Dự án Cát Linh - Hà Đông	2.834.817.423	6.648.043.472
+ Dự án Cát Linh - Hà Đông G011	1.492.629.100	-
+ Gói thầu số 9: Sụt trượt CV1, CV2	257.236.319	4.541.550.197
+ Gói thầu 1: Cầu An Mô - Tỉnh Quảng trị	-	1.124.515.892
+ Cầu Bình Hòa - Thanh Hóa	692.409.867	-
<b>Cộng</b>	<b>33.665.952.762</b>	<b>65.157.732.116</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	32.429.340	32.429.340
Bảo hiểm xã hội	247.919.454	-
Bảo hiểm y tế	8.620.592	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.836.797	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	21.089.158.197	15.147.439.397
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.708.152.462	2.726.058.764
- Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	1.513.553.761	1.513.553.761
- Quỹ tìm kiếm việc làm	12.996.628	192.278.973
- Tiền tạm ứng cá nhân chi quá	7.109.440	182.849.856
- Các khoản phải trả khác	1.174.492.633	837.376.174
<b>Cộng</b>	<b>24.090.116.842</b>	<b>17.905.927.501</b>
<b>Dài hạn</b>		
Kinh phí góp vốn đào tạo của CBCNV	773.700.000	825.200.000
Kinh phí cắt giảm di dời Mô đá Lãng Cô	-	532.924.454
Tiền ứng hộ 2 ngày lương về hưu	6.690.302	6.690.302
Tiền nhà Kim Nỗ Đông Anh - Hà Nội	772.914.538	894.924.268
Ký quỹ của Cty xăng dầu Thừa Thiên Huế thuê cây xăng	150.000.000	150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.703.304.840</b>	<b>2.409.739.024</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô (*)	211.673.864.000	211.673.864.000	267.023.099.000	255.358.405.414
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô (*)	201.356.792.000	201.356.792.000	253.526.527.000	249.678.905.414
- Vay cán bộ công nhân viên	700.000.000	700.000.000	700.000.000	2.500.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô	9.617.072.000	9.617.072.000	12.796.572.000	3.179.500.000
<b>Vay dài hạn</b>				
- Vay dài hạn - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô (**)	38.763.060.000	38.763.060.000	22.993.363.000	23.281.608.000
- Vay dài hạn - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô (**)	38.763.060.000	38.763.060.000	22.993.363.000	23.281.608.000

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô theo hợp đồng tín dụng:

(\*) Số 01.5800.13/HĐHM ngày 06/06/2013; hợp đồng hạn mức tín dụng số 01.5800.14/HĐTD ngày 09/06/2014 sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 01.580058.13/HĐHM; hợp đồng hạn mức tín dụng số 01.580058.15/HĐTD ngày 09/06/2015 sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 01.580058.14/HĐHM; và 01.580058.16/HĐTD ngày 21/06/2016 sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 01.580058.15/HĐTD với mức dư nợ tối đa là 230 tỷ đồng, lãi suất thả nổi, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động.

(\*\*) Số 580058.2015/HĐTDDA ngày 12/10/2015 số tiền vay: 63.590.000.000 đồng, thời hạn vay: 10 năm. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng Khu nhà nghỉ CBCNV - Nhà hàng Công ty CP Tổng công ty Công trình Đường sắt tại Thôn Đồng Phú, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày đầu tiên của quý I và III hàng năm theo quy định về lãi suất cho vay của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản hình thành từ vốn vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 CHI TIẾT ĐẦU TƯ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3300101075, thay đổi lần thứ 16 ngày 21/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 154.573.830.000 đồng, chia thành 15.457.383 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Chi tiết các cổ đông góp vốn và số vốn đã góp như sau:

STT Cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
1 Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	74.255.110.000	48,04%	74.255.110.000	48,04%
2 Các đối tượng khác	80.318.720.000	51,96%	80.318.720.000	51,96%
	<b>154.573.830.000</b>	<b>100%</b>	<b>154.573.830.000</b>	<b>100%</b>

**20.2 CỔ PHIẾU**

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	15.457.383	15.457.383
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	15.457.383	15.457.383
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.457.383	15.457.383
+ Cổ phiếu phổ thông	15.457.383	15.457.383
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**20.3 CÁC QUỸ**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	136.864.855.110	135.156.172.939
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư	Quỹ khác thuộc	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	cổ phần	phát triển	vốn chủ sở hữu	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	154.573.830.000	25.766.666.079	133.692.660.427	3.681.644.514	45.156.629.055	362.871.430.075
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.979.174.513	7.979.174.513
- Phân phối lợi nhuận năm 2015	-	-	1.463.512.512	3.031.574.818	(7.263.203.655)	(2.768.116.325)
- Chi kinh phí hỗ trợ cổ phần hóa cho các Công ty con	-	-	-	(6.713.219.332)	-	(6.713.219.332)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(20.094.596.900)	(20.094.596.900)
- Giám khác	-	-	-	-	(277.818.081)	(277.818.081)
31/12/2016	154.573.830.000	25.766.666.079	135.156.172.939	-	25.500.184.932	340.996.853.950
01/01/2017	154.573.830.000	25.766.666.079	135.156.172.939	-	25.500.184.932	340.996.853.950
- Lãi trong năm	-	-	-	-	(21.429.789.689)	(21.429.789.689)
- Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	1.708.682.171	-	(1.708.682.171)	-
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	(3.891.213.617)	(3.891.213.617)
- Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(19.321.729.000)	(19.321.729.000)
- Giám khác	-	-	-	-	(251.237.954)	(251.237.954)
31/12/2017	154.573.830.000	25.766.666.079	136.864.855.110	-	(21.102.467.499)	296.102.883.690

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- Ngoại tệ USD	67,26	78,26
- EUR		

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>a. Doanh thu</b>		
+ Hoạt động xây lắp	131.650.649.462	300.950.503.037
+ Cho thuê văn phòng	4.394.575.563	3.887.632.343
+ Cung cấp vật tư cho công ty con	29.848.315.103	42.053.020.639
+ Cho Công ty con thuê thiết bị, tài sản	12.484.440.994	22.957.072.051
+ Cung cấp dịch vụ	5.064.051.531	6.971.452.604
+ Bán vật tư cũ	28.255.711.023	2.180.558.281
+ Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	-	399.596.543
<b>Cộng</b>	<b>211.697.743.676</b>	<b>379.399.835.498</b>
<b>b. Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>128.203.413.144</b>	<b>197.473.508.647</b>
+ Công ty TNHH MTV XNK&DV Tổng Hợp	1.402.362.000	1.455.842.728
+ Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	1.880.248.000	3.939.562.000
+ Công ty Cổ phần Công trình 791	4.077.929.146	4.700.861.258
+ Công ty Cổ phần Công trình 792	4.028.382.152	4.459.503.961
+ Công ty Cổ phần Công trình 793	2.283.903.301	4.317.319.273
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đường sắt 796	3.791.600.233	7.062.398.949
+ Công ty Cổ phần Công trình 798	5.967.789.964	6.781.580.594
+ Công ty Cổ phần Công trình 875	10.019.789.177	11.129.770.404
+ Công ty Cổ phần CK&XD Công trình 878	7.163.305.255	-
+ Công ty Cổ phần Công trình 879	2.410.678.631	5.017.075.645
+ Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	637.368.000	1.831.352.883
+ Đường sắt Việt Nam	84.540.057.285	146.778.240.952
<b>c. Tổng doanh thu lũy kế các công trình xây dựng</b>	<b>733.349.056.731</b>	<b>1.180.376.443.439</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	109.046.340.038	263.398.259.607
Dịch vụ cho thuê văn phòng	227.442.600	892.442.600
Cung cấp vật tư cho Công ty con	26.842.183.213	40.906.426.232
Dịch vụ cho Công ty con thuê thiết bị, tài sản	6.568.980.193	16.687.121.842
Cung cấp dịch vụ	4.423.811.168	3.491.670.119
Bán vật tư cũ	30.057.662.219	1.177.914.007
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	-	222.718.502
<b>Cộng</b>	<b>177.166.419.431</b>	<b>326.776.552.909</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.395.829	204.092.957
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.449.566.050	14.196.474.475
Lãi hoạt động liên doanh (*)	2.616.059.255	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	192	35.543
<b>Cộng</b>	<b>9.085.021.326</b>	<b>14.400.602.975</b>

(\*) Khoản lãi hoạt động liên danh từ Liên danh Rinkai – RCC chưa có biên bản phân chia lãi, thông báo nhận lãi từ bên liên danh.

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.298.596.125	19.230.196.484
Dự phòng tổn thất đầu tư	10.801.175.458	-
Lãi mua hàng trả chậm	-	494.838.283
Chi phí tài chính khác	86.454.515	15.318
<b>Cộng</b>	<b>29.186.226.098</b>	<b>19.725.050.085</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.051.131.762	16.850.457.793
Chi phí vật liệu quản lý	665.036.753	978.631.492
Chi phí đồ dùng văn phòng	207.782.737	202.045.897
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	9.140.015.990	5.604.054.889
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(605.609.438)	(11.880.186.179)
Thuế và các khoản lệ phí	2.137.407.760	4.018.502.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.754.751.181	14.304.767.379
Chi phí khác bằng tiền	5.702.156.830	12.648.346.864
<b>Cộng</b>	<b>36.052.673.575</b>	<b>42.726.620.677</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	151.204.372.620	1.180.677.389
Chi phí nhân công	10.812.569.244	17.500.167.506
Khấu hao tài sản cố định	16.734.017.928	17.933.399.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	226.406.639.317	527.469.038.819
Chi phí bằng tiền khác	8.356.500.351	12.648.346.864
	<b>413.514.099.460</b>	<b>576.731.629.597</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý Tài sản cố định	-	945.182.046
Thu nhập từ chuyển quyền SD đất Quê Võ - Bắc Ninh	(614.681.818)	4.675.730.032
Thu tiền bồi thường, tiền phạt	285.780.730	237.053.962
Thu nhập khác	615.071.638	73.535.683
<b>Cộng</b>	<b>286.170.550</b>	<b>5.931.501.723</b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tiền phạt nộp chậm thuế, bảo hiểm, chậm tàu	90.143.982	47.871.386
Chi phí thanh lý Tài sản cố định	-	1.794.763.284
Các khoản chi phí khác	3.262.155	681.907.342
<b>Cộng</b>	<b>93.406.137</b>	<b>2.524.542.012</b>

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.17.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.652.791.580	39.338.858.175
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.737.990.640	166.407.422.646
Đầu tư dài hạn khác	100.000.000	6.484.500.000
<b>Cộng</b>	<b>144.490.782.220</b>	<b>212.230.780.821</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	250.436.924.000	239.060.475.414
Phải trả người bán và phải trả khác	97.882.632.492	-
Chi phí phải trả	33.665.952.762	65.157.732.116
<b>Cộng</b>	<b>381.985.509.254</b>	<b>304.218.207.530</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả; trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Cộng
	VND	VND	
<b>31/12/2017</b>			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	211.673.864.000	38.763.060.000	250.436.924.000
Phải trả người bán và phải trả khác	97.882.632.492	-	97.882.632.492
Chi phí phải trả	33.665.952.762	-	33.665.952.762
	<b>343.222.449.254</b>	<b>38.763.060.000</b>	<b>381.985.509.254</b>
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>01/01/2017</b>			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	200.009.170.414	39.051.305.000	239.060.475.414
Phải trả người bán và phải trả khác	129.862.897.231	-	129.862.897.231
Chi phí phải trả	65.157.732.116	-	65.157.732.116
	<b>395.029.799.761</b>	<b>39.051.305.000</b>	<b>434.081.104.761</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
	VND	VND	
<b>31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.652.791.580	-	1.652.791.580
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.737.990.640	-	142.737.990.640
Đầu tư dài hạn	-	100.000.000	100.000.000
	<b>144.390.782.220</b>	<b>100.000.000</b>	<b>144.490.782.220</b>
<b>01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.338.858.175	-	39.338.858.175
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.407.422.646	-	166.407.422.646
Đầu tư dài hạn	-	6.484.500.000	6.484.500.000
	<b>205.746.280.821</b>	<b>6.484.500.000</b>	<b>212.230.780.821</b>

**32. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các giao dịch, số dư với bên liên quan đã thuyết minh tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 5, 15, 22, trong năm Công ty còn phát sinh một số giao dịch và thông tin khác với Bên liên quan như sau:

**32.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
<b>Lợi nhuận đã chia</b>		<b>9.281.888.870</b>	<b>9.653.163.820</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Cổ đồng lớn	9.281.888.870	9.653.163.820
<b>Lợi nhuận được chia, Cổ tức nhận được</b>		<b>5.662.066.050</b>	<b>13.671.474.475</b>
Công ty TNHH MTV VT Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con	77.943.195	797.551.316
Công ty TNHH MTV XNK&TM Tổng Hợp	Công ty con	460.222.597	-
Công ty Cổ phần công trình 791	Công ty con	922.412.352	874.608.505
Công ty Cổ phần công trình 875	Công ty con	60.961.475	2.638.238.900
Công ty Cổ phần công trình 793	Công ty con	344.998.950	1.926.134.990
Công ty Cổ phần công trình 798	Công ty con	96.992.100	1.606.383.562
Công ty Cổ phần XDCT đường sắt 796	Công ty con	152.426.932	1.204.035.000
Công ty Cổ phần công trình 792	Công ty con	538.310.222	1.065.803.616
Công ty Cổ phần CK&XD công trình 878	Công ty con	1.380.047.500	1.704.569.189
Công ty Cổ phần công trình 879	Công ty con	572.500.727	1.134.250.000
Công ty Cổ phần đá Hoàng Mai	Công ty con	1.055.250.000	719.899.397
<b>Cổ tức nhận được</b>		<b>787.500.000</b>	<b>525.000.000</b>

**32.2 THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT và BKS	1.038.630.587	1.737.790.505

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.



**Võ Văn Phúc**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018

**Trương Thị Thanh Hương**  
Kế toán trưởng

**Lê Đình Sơn**  
Người lập